TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, TP.HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M

Địa chỉ: Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Đ

Địa chỉ: Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15-12-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Bùi Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1999, tuy nhiên do còn thiếu một số thủ tục nên đến ngày 04/4/2000 chị và anh mới làm thủ tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, tuy nhiên

chỉ được thời gian ngắn, vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng, đầu năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Bùi Văn Đ tại Tòa án nhân dân quận Kiến An và đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết, được sự động viên khuyên giải của Tòa án và cũng là để cho anh Đ thêm cơ hội đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung, chị đã tự nguyện làm đơn xin rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án nhân dân quận Kiến An đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi về đoàn tụ, được thời gian ngắn, mâu thuẫn vợ chồng lại phát sinh, lần này căng thẳng hơn trước, anh Đ đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó vợ chồng chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Đến nay, mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn Đ có 02 con chung là Bùi Đức T, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình; con thứ hai là Bùi Đức Đ, sinh ngày 21-10-2006, cháu hiện đang sống chung cùng với chị. Khi ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi con chung là Bùi Đức Đ đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2019; 11/3/2019 anh Bùi Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời điểm kết hôn, về con chung, về mâu thuẫn vợ chồng, về tình trạng ly thân hiện nay giữa vợ chồng, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị M. Nếu Tòa án cho anh và chị M ly hôn, anh đồng ý để chị M nuôi con chung là Bùi Đức Đ đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức Đ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do chị M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí, buộc chị Nguyễn Thị M nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Bùi Văn Đ là bị đơn, hiện đang cư trú tại Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Do đó, vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Bùi Văn Đ: Anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên anh Bùi Văn Đ có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn Đ theo yêu cầu của anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 04-4-2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Văn Đ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ, chồng chị M, anh Đ đã phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Sau khi về đoàn tụ vợ chồng năm 2017, giữa chị M và anh Đ lại phát sinh mâu thuẫn, đến nay không thể đoàn tụ được. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn Đ đã trầm trọng và kéo dài, đời sống chung thực tế đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn Đ có 02 con chung là Bùi Đức T, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình; con thứ hai là Bùi Đức Đ, sinh ngày 21-10-2006. Lời khai của chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Văn Đ và tài liệu, chứng cứ thể hiện: Chị Nguyễn Thị M hiện đang trực tiếp nuôi con chung là Bùi Đức Đ, cháu Đ cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung cùng với chị M. Để đảm bảo cho cháu Đ phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Bùi Đức Đ cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tại phiên tòa, phù hợp với ý kiến của anh Bùi Văn Đ về vấn đề con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản

1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức Đ, sinh ngày 21-10-2006 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung là Bùi Đức T, sinh ngày 15-12-1999 hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng tự nuôi mình, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ do chị M đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010384 ngày 03-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiên theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THA quận Kiến An;
- UBND phường N, K, Hải Phòng (ĐKKH: 04/4/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, HCTP.